

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 114/2021/DS - PT

Ngày: 27 - 8 - 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Tú và ông Nguyễn Tấn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2021/QĐ-PT ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Xuân V, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990 và chị Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Tất cả các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Ngọc M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đỗ Xuân V trình bày:

Vào ngày 24/10/2018, tôi có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Ngọc M vay số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Theo anh K, chị M trình bày là vay về để đáo hạn Ngân hàng, khi vay các bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2%/tháng/250.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ từ 15 đến 20 ngày kể từ ngày vay.

Ngày 02/3/2019, tôi tiếp tục cho vợ chồng anh K, chị M vay số tiền là 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích vay đáo hạn Ngân hàng. Lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 1.500đ/ngày/1.000.000đ. Thời hạn trả nợ từ 15 đến 20 ngày kể từ ngày vay.

Quá trình giải quyết vụ án tôi đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 100.000.000 đồng (tại giấy vay ngày 24/10/2018). Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Ngọc M phải trả cho tôi số tiền gốc đã vay là 1.100.000.000đ và tiền lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án với lãi suất là 10%/năm đối với 02 khoản vay trên.

Cụ thể từng khoản vay như sau:

1. Đối với khoản vay 150.000.000đ vào ngày 24/10/2018: Tiền gốc 150.000.000đ; Tiền lãi từ ngày 24/10/2018 tính đến ngày 24/12/2019 là 14 tháng = $150.000.000đ \text{ (tiền gốc)} \times 14 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 21.000.000đ$.

Tổng cộng cả gốc và lãi là: $150.000.000đ + 21.000.000đ = 171.000.000đ$ (Một trăm bảy mươi một triệu đồng).

2. Đối với khoản vay 950.000.000đ vào ngày 02/3/2019: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K, chị M phải trả cho tôi tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02/3/2019 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án trên với lãi suất 1%/tháng/950.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Ngọc M trình bày:

- Ngày 24/10/2018 vợ chồng tôi có vay của chị Phạm Thị H chứ không phải của anh V. Số tiền vay là 150.000.000đ, lãi suất là 5.000đ/1triệu/1ngày, hai bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Địa điểm vay là quán cà phê “Mộc” tại Tổ dân phố 2, thị trấn Liên Sơn, huyện Lấp Lát. Mục đích vay là về để đáo hạn Ngân hàng. Khoảng tháng 11/2018 thì 2 vợ chồng tôi có hẹn chị H cũng tại quán Cà phê A và tôi (M) có trả cho chị H tổng cộng số tiền 150.000.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh (Tôi không nhớ được tiền lãi bao nhiêu). Nay anh V khởi kiện, chúng tôi không chấp nhận vì số tiền 150.000.000đ tôi đã trả cho chị H. Do chỗ chị em thân tình nên khi trả tiền giữa tôi và chị H không lập giấy tờ gì, cũng không có người làm chứng nên tôi không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh tôi đã trả số tiền 150.000.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của anh V.

- Đối với khoản vay 950.000.000đ vào ngày 02/3/2019 thì chúng tôi có ý kiến như sau:

+ Anh K trình bày: Tôi không vay của anh V và chị H đối với số tiền 950.000.000đ trên. Tại “Kết luận giám định số 06/PC09 ngày 06/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk” đã kết luận chữ ký, chữ viết Nguyễn Văn

K tại Giấy vay tiền đề ngày 02/3/2019 với số tiền vay 950.000.000đ không phải là chữ ký, chữ viết của tôi. Do vậy, tôi không chấp nhận khoản vay này.

+ Chị M trình bày: Khoảng tháng 11/2018, khi đó tôi đang chăm sóc bố chồng tại Bệnh viện đa khoa huyện Lắc, chị H có đến gặp tôi ở cổng bệnh viện rồi đưa cho tôi một tờ giấy vay tiền đã đánh máy theo mẫu sẵn và bỏ trống những thông tin cần thiết (trùng khớp với giấy vay tiền ngày 02/3/2019 mà anh V đã cung cấp cho Tòa án), lúc đó chị H bảo tôi ký vào rồi về chị ấy ghi sau. Vì tin tưởng nên tôi đã ký tên mình vào giấy vay trên mà không suy nghĩ gì, thái độ cả tôi và chị H lúc đó hoàn toàn vui vẻ, tỉnh táo. Lúc đó tôi có suy nghĩ giấy vay tôi ký nhận chị H dùng để ghi số tiền tôi nợ trước đó là 15.000.000đ, chứ không ngờ rằng chị H lại ghi thành khoản vay 950.000.000đ.

Tại “Kết luận giám định số 06/PC09 ngày 06/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk” đã kết luận chữ ký, chữ viết Lê Thị Ngọc M tại Giấy vay tiền đề ngày 02/3/2019 với số tiền vay 950.000.000đ là chữ ký, chữ viết của tôi. Tuy nhiên, tôi không vay của anh Đỗ Xuân V số tiền 950.000.000đ theo như chứng cứ mà anh V đã cung cấp cho Tòa án. Tôi thừa nhận có nợ chị H nhưng là tiền chơi huê với số tiền 13.000.000đ, sau đó mỗi ngày tôi đóng cho chị H 500.000đ tương đương với mỗi tháng 15.000.000đ (13 triệu tiền gốc + 2 triệu tiền lãi) và tôi đã đóng hết toàn bộ số tiền trên cho chị H, hai bên không làm giấy tờ gì. Nay nguyên đơn anh Đỗ Xuân V khởi kiện đòi số tiền 950.000.000đồng, tôi và anh K không đồng ý.

* *Tại bản tự khai ngày 08/4/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H trình bày:* Ngày 24/10/2018, anh K và chị M không vay tiền của tôi mà vay tiền của anh Đỗ Xuân V (chồng tôi). Lúc đó tôi chuẩn bị đi làm thì chồng tôi nhờ tôi viết giấy vay tiền để anh K, chị M ký. Viết xong tôi đi làm, còn việc giao tiền tôi không chứng kiến (đối với số tiền vay 150.000.000 đồng).

Vào ngày 02/3/2019, lúc tôi chuẩn bị đi làm thì anh Đỗ Xuân V (chồng tôi) có nhờ tôi viết giấy cho vợ chồng K, M vay số tiền 950.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, viết xong tôi đưa giấy cho anh V và chị M ký nhận với nhau, tôi không chứng kiến việc giao nhận tiền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn Nhân và gia đình 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Xuân V.

Buộc anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Ngọc M phải có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Xuân V số tiền là 185.814.500 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm mười bốn ngàn, năm trăm đồng). Trong đó: (Tiền vay gốc 150.000.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày xét xử 17/3/2021 là 35.814.500 đồng).

Buộc chị Lê Thị Ngọc M phải có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Xuân V số tiền là 1.143.182.000 đồng (Một tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, một trăm tám mươi hai ngàn đồng). Trong đó: (Tiền vay gốc 950.000.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày xét xử 17/3/2021 là 193.182.000 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Xuân V, buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Ngọc M phải có nghĩa vụ trả khoản tiền lãi của tổng số tiền vay gốc 1.100.000.000 đồng là 46.904.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tiền án phí, chi phí giám định, quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 01/4/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Ngọc M làm đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm, theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Xuân V.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đối với khoản vay ngày 24/10/2018 Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh K, chị M có trách nhiệm trả cho anh V 150.000.000 đồng tiền gốc và 35.814.500 đồng tiền lãi tính từ ngày 24/10/2018 cho đến ngày 17/3/2021; Đối với khoản vay ngày 02/3/2019 buộc chị M phải trả cho anh V 950.000.000 đồng tiền gốc và 193.182.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 02/3/2019 cho đến ngày 17/3/2021 theo Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm anh K, chị M làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, tuy nhiên lại không cung cấp được tài liệu hay chứng cứ nào để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Ngọc M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của các bị đơn trong hạn luật định đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với khoản vay ngày 24/10/2018, phía bị đơn anh Nguyễn Văn K, chị Lê Thị Ngọc M thừa nhận đã vay của chị Phạm Thị H chứ không vay của anh Đỗ Xuân V, đến tháng 11/2018 chị M đã trả cho chị H số tiền 150.000.000 đồng và lãi

suất phát sinh (không nhớ được tiền lãi bao nhiêu), địa điểm giao tiền tại quán Cà phê A, các bên không lập biên bản giao nhận hay viết giấy tờ gì, cũng không có ai là người làm chứng, chứng kiến sự việc nên không có chứng cứ để chứng minh. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và quá trình giải quyết vụ án anh V, chị H xác định khoản vay này anh K, chị M chưa trả. Như vậy, việc anh K, chị M cho rằng chỉ vay của chị H số tiền 150.000.000 đồng và đã trả nợ xong là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh K và chị M phải có trách nhiệm trả khoản tiền vay gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi suất cho anh V là có cơ sở.

[2.2] Đối với khoản vay ngày 02/3/2019, anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Ngọc M không thừa nhận có khoản vay này. Tại kết luận giám định số 06/PC09 ngày 06/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn K tại giấy vay tiền đề ngày 02/3/2019 dưới mục “Người vay” là không phải do cùng một người ký và viết ra. Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị Ngọc M tại giấy vay tiền đề ngày 02/3/2019 dưới mục “Người vay” là chữ ký, chữ viết của chị Lê Thị Ngọc M và chị M cũng thừa nhận đây là chữ ký của chị trong giấy vay trên là đúng sự thật. Tuy nhiên, chị M cho rằng chị và chị H cùng chơi huê với nhau và chị đang nợ chị H 15.000.000 đồng, tháng 11/2018 chị H có đưa cho chị M một tờ giấy vay tiền đã đánh máy theo mẫu sẵn và bỏ trống những thông tin người cho vay, người vay, số tiền vay... do tin tưởng nên chị đã ký vào nhưng sau đó chị H lợi dụng giấy trên để ghi số tiền vay là 950.000.000 đồng. Xét thấy, trong giấy vay ngày 02/3/2019 không thể hiện nội dung liên quan đến khoản vay hay tiền huê giữa chị M với chị H, không được chị H thừa nhận, chị M cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Lê Thị Ngọc M phải trả khoản tiền vay gốc là 950.000.000 đồng và lãi suất cho anh Đỗ Xuân V là phù hợp.

Đối với số tiền lãi do anh K, chị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh V yêu cầu trả tiền lãi của số nợ gốc và Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì khoản vay ngày 24/10/2018 buộc anh K, chị M phải trả cho anh Đỗ Xuân V số tiền lãi là 35.814.500 đồng; Đối với khoản vay ngày 02/3/2019 buộc chị M phải trả cho anh V số tiền lãi là 193.182.000 đồng (đều tính đến ngày 17/3/2021) là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn K, chị Lê Thị Ngọc M. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn K, chị Lê Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2015.
- Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Ngọc M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắc.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Xuân V.

1. Buộc anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Ngọc M phải có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Xuân V số tiền là 185.814.500 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm mười bốn ngàn, năm trăm đồng). Trong đó: (Tiền vay gốc 150.000.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày xét xử 17/3/2021 là 35.814.500 đồng).

2. Buộc chị Lê Thị Ngọc M phải có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Xuân V số tiền là 1.143.182.000 đồng (Một tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, một trăm tám mươi hai ngàn đồng). Trong đó: (Tiền vay gốc 950.000.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày xét xử 17/3/2021 là 193.182.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Xuân V về việc buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Ngọc M phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi 46.904.000 đồng của tổng số tiền vay gốc là 1.100.000.000 đồng.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Ngọc M phải chịu 9.290.725 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Thị Ngọc M phải chịu 46.295.460 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Đỗ Xuân V phải chịu 2.345.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 23.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0013635 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Anh Đỗ Xuân V được nhận lại 20.655.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Ngọc M mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 60AA/2021/0001509 và số 60AA/2021/0001510 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Lắk;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
-
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Văn Toàn